

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 64/2019/HNGĐ-PT.

Ngày: 11-4-2019.

*V/v: Giải quyết kháng cáo về
tài sản trong vụ án ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

* Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trí Cường.

- Các thẩm phán: Ông Phan Quyết Thắng và bà Bùi Thị Thu Hồng.

* Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lưu Việt Thắng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Ngô Phương Liên, kiểm sát viên.

Ngày 11-4-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình đã thụ lý số 02/2019/TLPT-HNGĐ ngày 02-01-2019 do Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 81/2018/HNGĐ-ST ngày 26-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 76/QĐXX-HN&GD ngày 26-3-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/QĐ-HPT ngày 02-4-2019, giữa:

- Nguyên đơn có kháng cáo: Bà TTL, sinh năm 1969.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn Tân Phong, xã Phong Vân, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Thôn Bằng Tạ, xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn không kháng cáo: Ông TQT, sinh năm 1957.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn Tân Phong, xã Phong Vân, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh TQA, sinh năm 1982.

2. Chị PTL, sinh năm 1989.

Cùng nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn Tân Phong, xã Phong Vân, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà TTL là luật sư Nguyễn Minh Cường thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Cường & Cộng sự, Chi nhánh Hà Nội.

Đương sự và luật sư đều có mặt tại phiên tòa.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà TTL và ông TQT tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 11-7-2013 tại UBND xã Phong Vân, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Tại thời điểm này hoàn cảnh của ông TQT có vợ nhưng đã chết, sống cùng 02 con trai là anh TQA và anh Trần Quang Quân. Anh TQA cũng đã kết hôn với chị PTL từ tháng 12-2008 và có 02 con nhỏ là cháu Trần Quang Huy, sinh tháng 10-2009 và cháu Trần Thanh Nga, sinh tháng 11-2013. Sau kết hôn, bà TTL về chung sống với cha, con, cháu của ông TQT tại nhà đất ở thôn Tân Phong, xã Phong Vân, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Tháng 02-2014 âm lịch (tức tháng 3-2014 dương lịch) gia đình ông TQT xây dựng ngôi nhà 02 tầng, 01 tum (các đương sự ban đầu xác định là nhà 03 tầng) trên thửa đất số 256, tờ bản đồ số 8, thôn Tân Phong, xã Phong Vân, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Do mâu thuẫn vợ chồng nên bà TTL đã bỏ về gia đình mình tại thôn Bằng Tạ, xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Giữa vợ chồng bà TTL và ông TQT không có con chung.

Ngày 06-3-2018 bà TTL khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Ba Vì với yêu cầu:

1. Xin ly hôn ông TQT vì vợ chồng chỉ hạnh phúc đến tháng 5-2015 thì phát sinh mâu thuẫn, đến nay không còn tình cảm vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông TQT yêu cầu bà TTL phải đưa hết tiền cho ông TQT. Bà TTL không đưa thì thường xuyên xảy ra cãi nhau, bà TTL bị hành hạ, đánh đập. Đến đầu năm 2017 bà TTL đã bỏ về gia đình, sống ly thân với ông TQT.

2. Bà TTL yêu cầu chia đôi tài sản chung là ngôi nhà 03 tầng trị giá 700.000.000 đồng. Đây là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Cụ thể là do chung sống chật chội nên năm 2014 bà TTL đã bán vàng và đưa tiền cho ông TQT xây dựng ngôi nhà 03 tầng trên thửa đất số 256, tờ bản đồ số 8, thôn Tân Phong, xã Phong Vân, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Sau khi xây dựng chỉ có vợ chồng ông TQT, bà TTL và 01 người con riêng của ông TQT là anh Trần Quang Quân ở tại

nhà đất này. Vợ chồng và con của anh TQA, chị PTL vẫn ở ngôi nhà trước đây của gia đình ông TQT xây dựng.

Bà TTL không chấp nhận việc ông TQT và vợ chồng anh TQA, chị PTL khai ngôi nhà 03 tầng là của vợ chồng anh anh TQA, chị PTL xây dựng.

* Ông TQT khai trong thời gian chung sống nhiều lần bà TTL đã bỏ đi, lần cuối cùng từ tháng 12-2017. Nguyên vọng của ông TQT mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu bà TTL cương quyết ly hôn thì ông TQT đồng ý.

Ông TQT khai năm 2014 vợ chồng con trai là anh TQA, chị PTL xây dựng ngôi nhà 03 tầng trên thửa đất số 256, tờ bản đồ số 8, thôn Tân Phong, xã Phong Vân, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Nguồn gốc sử dụng đất của ông TQT được thừa hưởng từ cha ông nhiều đời để lại, đã được UBND huyện Ba Vì cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số A 921750 ngày 20-10-1991. Khi vợ chồng anh TQA, chị PTL xây dựng nhà thì ông TQT và bà TTL có cho 60.000.000 đồng.

* Anh TQA và chị PTL thống nhất khai: Vợ chồng anh TQA và chị PTL là người xây dựng ngôi nhà 03 tầng nêu trên với chi phí khoảng 285.150.000 đồng. Ông TQT và bà TTL có đưa cho số tiền 60.000.000 đồng để vợ chồng anh TQA và chị PTL xây nhà. Anh TQA, chị PTL không đồng ý quan điểm của bà TTL khai ngôi nhà 03 tầng nêu trên là tài sản chung với ông TQT để chia đôi khi xin ly hôn.

Về nợ chung: Ông TQT và bà TTL đều khai vợ chồng không vay nợ ai.

Kết quả xác minh, định giá tài sản là ngôi nhà 03 tầng nêu trên như sau:

- Tại biên bản định giá ngày 20-6-2018 xác định:

Ngôi nhà 2 tầng, 01 tum, kết cấu 02 tầng xây tường 110, bở trụ, mái bằng bê tông cốt thép, diện tích 74 m², còn 90% giá trị sử dụng. Trị giá là : 5.393.317 đồng x 74 m² x 90% = 359.196.000 đồng.

Tum xây tường lợp mái tôn diện tích 40 m², khấu hao còn 90% giá trị sử dụng. Trị giá là: 251.152 đồng x 40 m² x 90% = 9.041.000 đồng.

Tổng trị giá là 368.237.000 đồng.

- Tại Biên bản định giá ngày 09-11-2018 xác định:

+ Kết cấu 02 tầng xây tường 110, bở trụ, mái bằng bê tông cốt thép, diện tích một tầng là 40,26 m² x 2 = 80,52 m². Tính theo giá trị không bao gồm VAT thì trị giá là: 80,52 m² x 5.393.317 đồng/m² x 90% = 390.763.000 đồng. Tính theo giá trị

bao gồm VAT thì trị giá là: $80,52 \text{ m}^2 \times 5.932.649 \text{ đồng/m}^2 \times 90\% = 429.927.000$ đồng.

+ Tum tầng 3 có diện tích $40,26 \text{ m}^2$. Tính theo giá trị không bao gồm VAT thì trị giá là: $40,26 \text{ m}^2 \times 1.144.108 \text{ đồng/m}^2 \times 80\% = 36.837.000$ đồng. Tính theo giá trị bao gồm VAT thì trị giá là: $40,26 \text{ m}^2 \times 1.258.519 \text{ đồng/m}^2 \times 80\% = 40.534.000$ đồng.

Tổng trị giá nhà không bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) là: $390.763.000$ đồng + $36.837.000$ đồng = $427.600.000$ đồng.

Tổng trị giá nhà bao gồm VAT là: $429.927.000$ đồng + $40.534.000$ đồng = $470.461.000$ đồng.

Với nội dung như trên, tại Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 81/2018/HNGĐ-ST ngày 26-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì căn cứ Điều 147, Điều 164, Điều 165, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 59, Điều 61 Luật Hôn nhân & Gia đình; Điều 24, Điều 25, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn và chia tài sản chung của bà TTL đối với ông TQT. Cụ thể:

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà TTL và ông TQT.

- Về tài sản chung:

- + Giao ông TQT sở hữu ngôi nhà 02 tầng 01 tum có trị giá $427.600.000$ đồng. Ngôi nhà nằm trên thửa đất số 256, tờ bản đồ số 8, thôn Tân Phong, xã Phong Vân, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng của ông TQT theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 921750 do UBND huyện Ba Vì cấp ngày 20-10-1991.

- + Ông TQT phải thanh toán cho bà TTL $142.533.000$ đồng.

- + Ông TQT phải thanh toán cho vợ chồng anh TQA, chị PTL số tiền $142.533.000$ đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về quyền và nghĩa vụ thi hành án, về án phí sơ thẩm và thời hạn kháng cáo của đương sự trong vụ án.

* Ngày 05-12-2018 bà TTL kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì về nội dung xác định và chia tài sản chung với lý do:

- Không đồng ý xác định ngôi nhà 02 tầng 01 tum là tài sản chung của vợ chồng ông TQT, bà TTL với anh TQA, chị PTL.

- Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xác định giá trị ngôi nhà 02 tầng 01 tum không có VAT để phân chia là không đúng.

Theo đó, bà TTL đề nghị Toà án nhân dân thành phố Hà Nội sửa bản án sơ thẩm, xác định ngôi nhà 02 tầng 01 tum là tài sản chung của vợ chồng và giá trị đã có VAT là 470.461.000 đồng. Từ đó, chia đôi cho ông TQT và bà TTL mỗi người được 235.230.000 đồng.

* Quan điểm của ông TQT, anh TQA và chị PTL không đồng ý với kháng cáo của bà TTL.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các đương sự giữ nguyên quan điểm liên quan đến nội dung kháng cáo.

- Bà TTL cho rằng bà ủy quyền cho ông TQT tổ chức xây dựng, mua nguyên vật liệu, thuê thợ. Ông TQT đã nhiều lần chở bà TTL đi bán vàng. Số tiền bán vàng được đưa hết cho ông TQT. Ngoài ra, bà TTL còn đưa tiền mặt cho ông TQT. Anh TQA có việc làm nhưng thu nhập thấp, chị PTL không có việc làm nên không thể có tiền xây nhà.

- Ông TQT cho rằng vợ chồng ông TQT và bà TTL chỉ cho anh TQA và chị PTL 60.000.000 đồng. Ngoài ra, ông TQT có công trông nom việc xây dựng ngôi nhà mới.

- Anh TQA và chị PTL thống nhất ý kiến cho rằng vợ chồng anh TQA và chị PTL là người trực tiếp tổ chức xây dựng ngôi nhà mới, thuê thợ, trả tiền vật liệu xây dựng. Anh TQA có công tác tại Trại cai nghiện số 2, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Chị PTL làm buôn bán và tham gia công tác xã hội, thu nhập khoảng 5.000.000 – 7.000.000 đồng/tháng. Tiền xây nhà do anh TQA và chị PTL tích cóp và vay mượn.

- Luật sư Nguyễn Minh Cường bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà TTL cho rằng một số hóa đơn mua bán trong quá trình xây nhà ghi tên khách hàng là anh TQA, chị PTL và ông TQT không phải là hóa đơn VAT. Việc sắp xếp chỗ ở trong ngôi nhà mới như trình bày của ông TQT, anh TQA và chị PTL là không hợp lý. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm vì cho rằng không cơ sở xác định quyền lợi, công sức của vợ chồng anh TQA, chị PTL trong khối tài sản là ngôi nhà

2 tầng 1 tum. Đây là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông TQT và bà TTL nên theo quy định của pháp luật cần xác định là tài sản chung của vợ chồng ông TQT và bà TTL, khi ly hôn sẽ chia đôi giá trị tài sản theo giá thị trường và phải xác định trị giá đã bao gồm VAT.

- Ý kiến của Kiểm sát viên cho rằng hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án và Hội đồng xét xử phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật. Đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Có căn cứ xác định ngôi nhà 2 tầng 1 tum là tài sản chung của vợ chồng ông TQT, bà TTL nhưng có công sức đóng góp của vợ chồng anh TQA và chị PTL như nhận định của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xác định giá trị tài sản không VAT là không đúng quy định tại Điều 3 Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 03-3-2017 của UBND thành phố Hà Nội. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự để sửa án sơ thẩm, xác định ngôi nhà trị giá có VAT bằng 470.461.000 đồng chia 3 phần bằng 156.820.333 đồng. Ông TQT và bà TTL mỗi người một phần. Vợ chồng anh TQA, chị PTL được một phần. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn để miễn án phí dân sự cho ông TQT vì là người già.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]. Bà TTL là nguyên đơn trong vụ án đã nộp đơn kháng cáo ngày 05-12-2018 và nộp tạm ứng án phí Hôn nhân & Gia đình phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ.

[2]. Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xác định vụ án Hôn nhân & Gia đình và giải quyết đúng thẩm quyền cũng như thủ tục tố tụng được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Nội dung công nhận thuận tình ly hôn giữa bà TTL với ông TQT không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Xét nội dung kháng cáo của bà TTL về tài sản là ngôi nhà 02 tầng 01 tum xây dựng năm 2014 tại thôn Tân Phong, xã Phong Vân, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, thấy rằng:

Thời điểm xây dựng ngôi nhà 02 tầng 01 tum là tháng 02-2014 âm lịch (tức tháng 3-2014 dương lịch) trên thửa đất số 256, tờ bản đồ số 8, thôn Tân Phong, xã Phong Vân, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng của ông TQT theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 921750 do UBND huyện Ba Vì cấp ngày 20-10-1991. Tại thời điểm xây nhà ông TQT đã kết hôn với bà TTL và tồn tại cuộc sống chung trong gia đình có 04 thành viên đã trưởng thành, đóng góp về kinh tế gia đình là ông TQT, bà TTL, anh TQA và chị PTL. Chỉ còn anh Trần Quang Quân và 02 con của vợ chồng anh TQA là chưa thành niên, sống phụ thuộc.

Bà TTL khai bán vàng đưa tiền cho ông TQT xây nhà nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Ông TQT chỉ thừa nhận vợ chồng có tiền 60.000.000 đồng đưa cho anh TQA để xây nhà. Anh TQA và chị PTL cũng thừa nhận nội dung này. Ông TQT khai ngôi nhà do vợ chồng anh TQA và chị PTL xây dựng là phù hợp với lời khai, xác nhận của một số người làm chứng đã trực tiếp cung ứng nguyên vật liệu xây dựng cũng như làm công cho vợ chồng anh TQA và chị PTL. Đó là ông Nguyễn Văn Ái, sinh năm 1962 ở thôn Nhuân Trạch, xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; ông Nguyễn Trung Toàn, sinh năm 1973 ở thôn Tân Phong, xã Phong Vân, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; ông Ngô Tiến Thịnh, sinh năm 1967 ở thôn Vân Hội, xã Phong Vân, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; ông Phùng Hữu Hợp, sinh năm 1962 ở thôn Đông Hữu, xã Phú Sơn, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, tại Đơn trình bày của ông TQT ngày 17-10-2018 cũng thể hiện nội dung: Sau khi kết hôn, bà TTL về ở với gia đình ông TQT và cùng vợ chồng con trai ông TQT xây dựng một nếp nhà 02 gian 02 tầng 01 tum, tổng diện tích 74 m².

Như vậy, các đương sự trong vụ án đều không cung cấp được chứng cứ xác lập quyền sở hữu ngôi nhà là của vợ chồng TQT và bà TTL hay của riêng vợ chồng anh TQA, chị PTL. Anh Trần Quang Quân sinh năm 1999 khi đó còn nhỏ, sống phụ thuộc gia đình nên không có công sức đóng góp đối với ngôi nhà. Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xác định ngôi nhà 02 tầng 01 tum nêu trên là tài sản chung hợp nhất của vợ chồng ông TQT, bà TTL với vợ chồng anh TQA, chị PTL là có cơ sở pháp luật. Tòa án nhân dân huyện Ba Vì chia giá trị tài sản thành 03 phần, trong đó ông TQT, bà TTL mỗi người một phần; vợ chồng anh TQA, chị PTL được 1 phần là đã có lợi cho bà TTL. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì áp dụng giá trị tài sản không bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) để phân chia là không phù hợp vì tài sản được xây dựng trên cơ sở nguyên vật liệu kinh doanh trên thị trường.

Theo quy định tại Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 3 Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 03-3-2017 của UBND thành phố Hà Nội, cần xác định giá trị tài sản theo giá thị trường để phân chia. Theo kết quả định giá xác định tài sản tranh chấp là ngôi nhà 02 tầng 01 tum là 470.461.000 đồng. Giao cho ông TQT sở hữu ngôi nhà này trên diện tích đất thuộc quyền sử dụng của ông TQT là phù hợp nhu cầu và thực tế sử dụng. Ông TQT phải thanh toán cho bà TTL 1/3 giá trị là 156.820.333 đồng.

Do ông TQT cùng con là anh TQA và chị PTL không yêu cầu phân chia tài sản nên cùng sở hữu ngôi nhà nêu trên.

[5]. Về án phí: Giá trị tài sản được xác định lại nên các đương sự phải chịu án phí dân sự về chia tài sản loại có giá ngạch. Cụ thể mức án phí chia tài sản mà ông TQT, bà TTL mỗi người phải chịu là 7.841.000 đồng. Vợ chồng anh TQA, chị PTL phải chịu là 7.841.000 đồng. Tuy nhiên, ông TQT là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí có xác nhận của chính quyền địa phương nên được miễn án phí dân sự về chia tài sản.

Kháng cáo của bà TTL được chấp nhận một phần để sửa án sơ thẩm nên bà TTL không phải chịu án phí Hôn nhân & Gia đình phúc thẩm.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ nhận định trên.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

I. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà TTL.

1. Sửa nội dung chia tài sản tại Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 81/2018/HNGĐ-ST ngày 26-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Cụ thể:

- Giao ông TQT sở hữu ngôi nhà 02 tầng (diện tích 80,52 m²) 01 tầng tum (diện tích 40,26 m²) trị giá 470.461.000 đồng nằm trên thửa đất số 256, tờ bản đồ số 8, thôn Tân Phong, xã Phong Vân, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội thuộc quyền

sử dụng của ông TQT theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 921750 do UBND huyện Ba Vì cấp ngày 20-10-1991.

- Ông TQT phải thanh toán giá trị tài sản cho bà TTL 156.820.333 đồng.

Kể từ ngày bà TTL có đơn yêu cầu thi hành án mà ông TQT chậm thanh toán khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông TQT với vợ chồng anh TQA, chị PTL cùng sở hữu chung ngôi nhà 02 tầng (diện tích 80,52 m²) 01 tầng tum (diện tích 40,26 m²) trị giá 470.461.000 đồng nêu trên.

2. Án phí dân sự:

- Miễn án phí chia tài sản cho ông TQT.

- Bà TTL phải chịu 7.841.000 đồng án phí chia tài sản.

- Vợ chồng anh TQA, chị PTL phải chịu 7.841.000 đồng án phí chia tài sản.

II. Những nội dung khác của Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 81/2018/HNGĐ-ST ngày 26-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội không liên quan đến kháng cáo phần chia tài sản có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

III. Án phí phúc thẩm: Bà TTL không phải chịu án phí phúc thẩm Hôn nhân & Gia đình. Trả lại bà TTL 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm Hôn nhân & Gia đình tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì (Biên lai số 0008941 ngày 07-12-2018).

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND huyện Ba Vì;
- Chi cục THADS huyện Ba Vì;
- Các đương sự;
- Lưu VP-TAHN/ hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Trí Cường